TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2019
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1986; nơi cư trú: số nhà 30/703 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Đức T, sinh năm 1986; nơi cư trú: số nhà 30/703 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Phương T có mặt, bị đơn là anh Trần Đức T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-02-2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 28-02-2012 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ nên đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 02-9-2015. Hiện nay cháu V đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đức T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt. Do đó, anh T không có quan điểm giải quyết vụ án.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 27-02-2019, chính quyền địa phương nơi chị T và anh T sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số nhà 30/703 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống của hai bên có xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do anh T nợ nần nhiều, chủ nợ thường kéo đến nhà đòi nợ gây mất trật tự an ninh khu phố. Về con chung, chị T và anh T có 01 con là Trần Khánh V, sinh năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị T và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Khánh V, sinh ngày 02-9-2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Phương T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Đức T đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập nhưng anh T không đến tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh T không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T có một con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 02-9-2015. Hiện nay cháu V đang ở với chị T. Anh T không có quan điểm giải quyết về giao nuôi con chung. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển của con, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Phương T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương T và anh Trần Đức T.

2. Về nuôi con: Giao con Trần Khánh V; giới tính: nữ; sinh ngày 02-9-2015 cho chị Phạm Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000554 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Phương T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P.V, TP. N;
- UBND P. H, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang